TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP. THÁI NGUYÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 403/2020/QĐST- HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 24 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án HNGĐ thụ lý số 420/2020/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 06 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Huyền Tr, sinh năm 1992.

HKTT: Tổ 2, phường HVT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Anh Phạm Mạnh G, sinh năm 1984.

HKTT: TĐ 4, LĐ 575, QK I, phường ĐB, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 54; 55; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2020,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16/7/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Huyền Tr, sinh năm 1992.

HKTT: Tổ 2, phường HVT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Anh Phạm Mạnh G, sinh năm 1984.

HKTT: TĐ 4, LĐ 575, QK I, phường ĐB, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Huyền Tr và anh Phạm Mạnh G nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Hai bên thống nhất thỏa thuận, giao con chung là Phạm Lê Đ, sinh năm 21/2/2017 cho chị Lê Thị Huyền Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Việc cấp dưỡng nuôi con Tòa án không giải quyết do các đương sự không có yêu cầu. Anh G được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

2.4. Án phí: Chị Lê Thị Huyền Tr nhận nộp 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0003118 ngày 11 tháng 06 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên. Hoàn lại cho chị T 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- UBND xã Tân Thái, H. Đại Từ, TN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tứ Xuân